

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/KDTM-PT
Ngày 28-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa.

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng;
Bà Trần Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2025/TLPT-KDTM ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 06/2025/KDTM-ST ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2025/QĐXXPT-KDTM ngày 21 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á (A); địa chỉ: số D, N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh C – Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ; địa chỉ liên hệ: số A, đường D, tổ E, khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày số 738/UQ-QLN.23 ngày 08/5/2025); có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH T1; địa chỉ: thửa đất số 236, tờ bản đồ số 10, ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Minh H1, sinh năm 1985; địa chỉ: C, lô C, khu B, khu phố E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: số G, Trinh Hoài Đ, tổ S, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

2. Bà Thái Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: khu phố C, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3. Ông Võ Minh H, sinh năm 1989; địa chỉ: khu phố N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4. Bà Đặng Thị D, sinh năm 1983; vắng mặt;

5. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1976; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: tổ C, khu phố B, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q, bà Đặng Thị D và bà Nguyễn Thị Minh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á (viết tắt là A) và Công ty TNHH T1 (viết tắt là Công ty T1) ký Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số DNA.DN.1571.281220 ngày 29/12/2020; Hợp đồng cấp tín dụng số DNA.DN.1910.281220 ngày 29/12/2020; lãi suất suất vay thỏa thuận trong từng khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; lãi suất trên số tiền lãi chậm trả 10%/năm.

Thực hiện hợp đồng, A đã giải ngân cho Công ty T1 vay số tiền 15.000.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 325922199 ngày 31/12/2020, thời hạn vay từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/7/2021; số tiền vay 6.000.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 341166899 ngày 29/7/2021, thời hạn vay từ ngày 31/7/2021 đến ngày 28/02/2022; số tiền giải ngân được chuyển vào tài khoản của Công ty T1 mở tại A.

Để đảm bảo cho số tiền vay theo hợp đồng của Công ty T1:

- Ông Trần Văn Q và bà Đặng Thị Diễm K Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DNA.BĐDN.471.120321, công chứng ngày 16/3/2021, đăng ký thế chấp ngày 16/3/2021. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 686, tờ bản đồ số 23 có diện tích đất 14.494,2m² (300m² đất ở) tại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS14938 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 14/01/2020 (đăng ký biến động ngày 04/02/2020).

Hợp đồng thế chấp số DNA.BDDN.471.120321 được sửa đổi bổ sung bằng Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số DNA.DN.1910.281220/SĐBS.01 ngày 08/3/2021 về việc sửa đổi, bổ sung điều khoản về biện pháp bảo đảm; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số DNA.DN.1910.281220/SĐBS-02 ngày 16/3/2021 về việc sửa đổi, bổ sung điều khoản về biện pháp bảo đảm.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Minh H1 ký Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 29/12/2020; ông Võ Minh H, bà Thái Thị T ký Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 31/12/2020; ông Trần Văn Q, bà Đặng Thị Diễm K Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 16/3/2021 với cùng nội dung “cam kết và đồng ý trả nợ thay” cho bên được cấp tín dụng là Công ty T1 khi Công ty T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho A.

Công ty T1 là bên vi phạm hợp đồng, tính đến ngày 17/10/2024 Công ty còn nợ tiền vay của A như sau:

TT	Khế ước nhận nợ	Vốn gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Phạt chậm trả lãi	Tổng cộng
1	325922199	1.998.360.274	119.210.959	1.054.702.318	38.861.625	3.211.135.176
2	341166899	6.000.000.000	335.967.123	2.419.495.890	95.985.476	8.851.448.489
TỔNG CỘNG		7.998.360.274	455.178.082	3.474.198.208	134.847.101	12.062.583.665

Nay, A yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty T1 trả số tiền nợ tính đến ngày 17/10/2024 là 12.062.583.665 đồng; trong đó nợ gốc: 7.998.360.274 đồng, nợ lãi trong hạn: 455.178.082 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.474.198.208 đồng và lãi của tiền lãi chậm trả: 134.847.101 đồng.

Công ty T1 còn phải tiếp tục trả nợ theo hợp đồng, khế ước nhận nợ từ ngày 18/10/2024 đến khi trả hết nợ.

- Nếu Công ty T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì A yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 686, tờ bản đồ số 23 theo đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS14938 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 14/01/2020 cho ông Trần Văn Q, bà Đặng Thị Diễm .

Đồng thời, bên bảo lãnh là bà Nguyễn Thị Minh H1, ông Trần Văn Q và bà Đặng Thị D, ông Võ Minh H và bà Thái Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy cam kết về việc trả nợ trong trường hợp Công ty T1 không trả được nợ và tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho Công ty T1.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH T1 đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Minh H thống nhất trình bày:

Ông Võ Minh H thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn A; thống nhất về việc hai bên ký Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số DNA.DN.1571.281220 ngày 29/12/2020; Hợp đồng cấp tín dụng số DNA.DN.1910.281220 ngày 29/12/2020; thống nhất số tiền vay, số tiền nợ còn lại như A trình bày. Ông Q, bà D có ký hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 686, tờ bản đồ số 23 cho A.

Công ty T1 đề nghị A xem xét giảm lãi suất cho công ty. Đồng thời, cho công ty thời hạn 06 tháng để thu xếp tiền trả nợ; hết thời hạn nêu trên nếu công ty không trả được nợ thì đề nghị A phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ nợ cho ngân hàng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q và bà Đặng Thị Diễm thống N trình bày:

Ông Q, bà D thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn A; ông Q, bà D có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 686, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại xã (nay phường) V, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương cho A để đảm bảo cho số tiền vay của Công ty T1 tại A với giá trị bảo đảm nợ gốc 6.000.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DNA.BDDN.471.120321 được công chứng tại Văn phòng C1, tỉnh Bình Dương ngày 16/3/2021, số công chứng 2879; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đ1 (nay thành phố) Tân Uyên ngày 16/3/2021, số thứ tự 1857.

Ông Q, bà D chỉ thống nhất bảo lãnh cho số tiền vay gốc là 6.000.000.000 đồng; không đồng ý bảo lãnh số tiền lãi vay và số tiền vay còn lại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Minh H1 trình bày:

Năm 2014, thông qua mối quan hệ quen biết với ông Võ Chung H2 (địa chỉ: số A, đường A, khu phố I, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương), bà H1 được mời hợp tác với Công ty T1 để sản xuất, mua bán, kinh doanh hạt điều và hàng nông sản. Bà H1 có phần vốn góp trong Công ty T1 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702565951, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 17/6/2020.

Mặc dù là thành viên công ty nhưng ông H (Giám đốc) không kê khai tài chính, không thông báo cho bà H1 biết bất kỳ thông tin nào của công ty. Công ty T1 vay vốn của A không liên quan đến bà H1, bà H1 không bảo lãnh với tư cách cá nhân mà đó là thành viên công ty. Đồng thời, khoản vay của Công ty T1 với A đã được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là thửa đất số 74, tờ bản đồ số 63 tọa lạc tại xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương nên việc A lèo lái yêu cầu thành viên của công ty ký thêm vào chịu trách nhiệm là không đảm bảo tính tự nguyện, cố tình lừa dối, không phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty T1 vay thì công ty phải chịu trách nhiệm, bà H1 không đồng ý chịu trách nhiệm cá nhân đối với khoản nợ của Công ty T1.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2024/KDTM-ST ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á đối với bị đơn Công ty TNHH T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc bị đơn Công ty TNHH T1 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á số tiền 12.062.583.665 đồng (trong đó: vốn gốc là 7.998.360.274 đồng, lãi trong hạn là 455.178.082 đồng, lãi quá hạn là 3.474.198.208 đồng, phạt chậm trả lãi là 134.847.101 đồng).

Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 18/10/2024 cho đến khi bị đơn Công ty TNHH T1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số DNA.DN.1910.281220 ngày 29/12/2020 giữa Công ty TNHH T1 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

3. Trường hợp Công ty TNHH T1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT573128, số vào sổ CS14938 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 14/01/2020 có diện tích 14.494,2m² thuộc thửa đất số 686, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại xã V (nay là phường V), thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương. Trên đất có 01 căn nhà cấp bốn, 01 nhà xưởng, 01 căn chòi tạm, 07 cây cao su 25 năm tuổi, 05 cây luồng mức 15 năm tuổi, 01 cây mít 20 năm tuổi, 01 cây khế 20 năm tuổi và 05 cây mai 15 năm tuổi theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DNA.BĐDN.471.120321 ngày 16/3/2021 và bà Đặng Thị D, ông Trần Văn Q phải thực hiện nghĩa vụ cam kết thế chấp tài sản ngày 16/3/2021.

4. Bà Nguyễn Thị Minh H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH T1 các khoản nợ của Công ty TNHH T1 đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác) khi Công ty TNHH T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 29/12/2020.

Ông Võ Minh H và bà Thái Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH T1 các khoản nợ của Công ty TNHH T1 đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác) khi Công ty TNHH T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 31/12/2020.

Bà Đặng Thị D và ông Trần Văn Q phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH T1 các khoản nợ của Công ty TNHH T1 đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác) khi Công ty TNHH T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng,

không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 16/3/2021.

5. Trường hợp Công ty TNHH T1 thanh toán xong khoản nợ mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á có trách nhiệm hoàn trả lại Công ty TNHH T1 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT573128, sổ vào sổ CS14938 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 14/01/2020 với diện tích 14.494,2m² thuộc thửa đất số 686, tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại xã V (nay là phường V), thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 04/11/2024, ông Trần Văn Q và bà Đặng Thị Diễm N1 đơn kháng cáo bản án sơ thẩm; ngày 11/12/2024, bà Nguyễn Thị Minh H1 nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q, bà Đặng Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Minh H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q, bà Đặng Thị D kháng cáo bản án sơ thẩm, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không rõ lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Q và bà D.

Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Minh H1: xét nội dung của Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 29/12/2020 không thể hiện tài sản đảm bảo của bà H1 là tài sản nào và “cam kết trả nợ” với số tiền là bao nhiêu. Như vậy, bản cam kết không thể hiện tài sản thế chấp và không thể hiện số tiền vay cụ thể nào là không thực hiện được. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H1 có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T1 theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 29/12/2020 là không có cơ sở; bà H1 cũng là thành viên của công ty, có vốn đầu tư trong công ty. Tại phiên tòa, bà H1 cũng xác định bà H1 ký vào Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 29/12/2020 là do bị lừa dối, không đảm bảo tính tự

nguyện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H1, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn Công ty TNHH T1, mã số doanh nghiệp C2; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp đăng ký lần đầu ngày 25/5/2017; đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 19/01/2021 do ông Võ Minh H là người đại diện theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Minh H1 vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm (ngày 23/10/2024). Sau khi nhận bản án sơ thẩm, ngày 11/12/2024, bà H1 nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn luật định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị T, là vợ ông Võ Minh H (người đại diện theo pháp luật của Công ty T2) đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt giấy triệu tập tham gia phiên tòa ngày 12/9/2024 và ngày 24/9/2024 nhưng bà T vắng mặt không có lý do nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng bà T theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 25/01/2025, Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt bản án sơ thẩm cho bà T nhưng bà T không kháng cáo. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà T được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 09/5/2025 và ngày 28/5/2025 nhưng bà T vắng mặt nên Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q, bà Đặng Thị D được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 09/5/2025 và ngày 28/5/2025 nhưng ông Trần Văn Q, bà Đặng Thị D vắng mặt 02 lần không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Q, bà Đặng Thị D theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên về số tiền vay, số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn Công ty T1 đối với nguyên đơn Ngân hàng A và nghĩa vụ bảo lãnh bằng tài sản cá nhân của vợ chồng ông Võ Minh H, bà Thái Thị T không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật theo quy định chung.

[2.1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh H1:

Nguyên đơn A chứng minh khoản vay của Công ty T1 ngoài tài sản thế chấp là thửa đất số 686, tờ bản đồ số 23 của ông Q, bà D thì còn có “*Giấy cam kết về việc trả nợ*” do bà H1 ký ngày 29/12/2020 với nội dung bà H1 cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A khi Công ty T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ; nghĩa vụ trả nợ bao gồm tiền gốc, tiền lãi phát sinh trước hoặc sau thời điểm cam kết. Nội dung giấy cam kết không rõ ràng số tiền vay, hợp đồng vay hoặc nghĩa vụ cụ thể nào của Công ty T1. Khoản 1 Điều 355 của

Bộ luật Dân sự quy định “*Bảo lãnh là việc người thứ ba cam kết với bên có quyền sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ, nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ*”. Đối chiếu với quy định của điều luật đã viện dẫn thì bà H1 không cam kết bảo lãnh cho một nghĩa vụ cụ thể nào của Công ty T1 và cũng không cam kết bảo lãnh trong một thời hạn nhất định nào cho Công ty T1. Do đó, bà H1 trình bày không tự nguyện khi ký giấy cam kết là có cơ sở và phù hợp với thực tế rằng “*sẽ không có một cá nhân bảo lãnh trách nhiệm vô hạn cho nghĩa vụ của một pháp nhân*”. Trong trường hợp này, bản án sơ thẩm tuyên buộc trách nhiệm bảo lãnh của bà H1 đối với nghĩa vụ của Công ty T1 là chưa phù hợp làm thiệt hại đến quyền lợi của bà H1 và gia đình bà H1.

[3] Từ những phân tích trên, kháng cáo của bà H1 là có cơ sở chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị Minh H1 không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 1 Điều 289; khoản 3 Điều 296; Điều 293; khoản 2 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Minh H1.

II. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2024/KDTM-ST ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương như sau:

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á về việc buộc bà Nguyễn Thị Minh H1 phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho nghĩa vụ của Công ty TNHH T1 theo “Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 29/12/2020”.

III. Phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2024/KDTM-ST ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á đối với bị đơn Công ty TNHH T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc bị đơn Công ty TNHH T1 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á số tiền gốc là 7.998.360.274 đồng (bảy

tỷ chín trăm chín mươi tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng), lãi trong hạn là 455.178.082 đồng (bốn trăm năm mươi lăm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng), lãi quá hạn là 3.474.198.208 đồng (ba tỷ bốn trăm bảy mươi bốn triệu một trăm chín mươi tám nghìn hai trăm lẻ tám đồng), lãi trên số tiền lãi chậm trả là 134.847.101 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm lẻ một đồng); tổng cộng là 12.062.583.665 đồng (mười hai tỷ không trăm sáu mươi hai triệu năm trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 18/10/2024, Công ty TNHH T1 còn phải trả tiền lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số DNA.DN.1910.281220 ngày 29/12/2020 và khế ước nhận nợ.

3. Ông Võ Minh H và bà Thái Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH T1 các khoản nợ của Công ty TNHH T1 đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác) khi Công ty TNHH T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 31/12/2020.

IV. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q và bà Đặng Thị Diễm .

Quyết định của bản án sơ thẩm có liên quan đến quyền lợi của ông Trần Văn Q và bà Đặng Thị D đã có hiệu lực pháp luật như sau:

1. Trường hợp Công ty TNHH T1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất có diện tích 14.494,2m² thuộc thửa đất số 686, tờ bản đồ số 23 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS14938 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 14/01/2020 cho ông Trần Văn Q tọa lạc tại xã V (nay là phường V), thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DNA.BĐDN.471.120321 ngày 16/3/2021). Giá trị tài sản trên đất gồm 01 căn nhà cấp bốn (126m²); 01 nhà xưởng (336m²), 01 căn chòi tạm (70m²) khi phát mãi được trả lại cho ông Trần Văn Q và bà Đặng Thị Diễm .

2. Bà Đặng Thị D và ông Trần Văn Q phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH T1 các khoản nợ của Công ty TNHH T1 đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác) khi Công ty TNHH T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 16/3/2021.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Công ty TNHH T1 phải nộp để trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á phải nộp số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 58.374.500 đồng (năm mươi tám triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng). Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á số tiền 55.374.500 đồng (năm mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008302 ngày 20 tháng 5 năm 2022 (do ông Nguyễn Quốc V nộp thay).

- Bị đơn Công ty TNHH T1 phải nộp 120.062.584 đồng (một trăm hai mươi triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm tám mươi bốn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

V. Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q, bà Đặng Thị D mỗi người phải chịu số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006659 và số 0006660 cùng ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Minh H1 không phải chịu. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Minh H1 số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006697 ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND huyện P;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Hồ sơ, Tổ hành chính tư pháp;
- Tòa KT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Minh Đa